

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 812 /STNMT-CCQLĐĐ

Đồng Nai, ngày 17 tháng 2 năm 2020

V/v đăng tải thông tin lên cổng thông tin điện tử đối với dự thảo “Quy chế phối hợp tổ chức xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 8201/UBND-KT ngày 06/8/2018 về việc giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Sở Tư pháp, UBND cấp huyện cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã dự thảo nội dung Quyết định thay thế Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh và có Văn bản số 2052/STNMT-CCQLĐĐ ngày 03/4/2019 gửi Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị đăng thông tin lên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến góp ý theo quy định.

Đến ngày 09/9/2019, UBND tỉnh có Văn bản số 10379/UBND-KTNS chỉ đạo việc phân cấp thuê đơn vị tư vấn định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã rà soát, chỉnh sửa lại một số nội dung trong dự thảo “Quy chế phối hợp tổ chức xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” quy định về quy trình, thời gian, trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể theo tình hình thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh, để thay thế Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh.

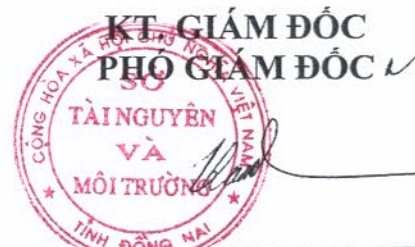
Căn cứ theo Điều 120 và Điều 129 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi nội dung dự thảo quy chế nêu trên, đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng thông tin lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân, góp ý kiến theo quy định (Gửi kèm dự thảo quy chế).

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ bà Nguyễn Thị Tiến – Chi cục Quản lý đất đai. SĐT: 0948.213.374.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Giám đốc, các P. Giám đốc Sở;
 - Lưu VT, CCQLĐĐ (2b), ntt (41b)
- D/Tiến/2020/gopyduthaoquyche.doc



Nguyễn Ngọc Thường

(Dự thảo)

QUY CHẾ

Phối hợp tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số.../2020/QĐ-UBND ngày...tháng...năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quy trình, thời gian, trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Đồng Nai;
2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện);
4. Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh và các chi nhánh;
5. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, bao gồm: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
6. Tổ chức tư vấn định giá đất cụ thể, cá nhân hành nghề tư vấn định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
7. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Xác định cụ thể trách nhiệm, nội dung, thời gian thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Công tác định giá đất cụ thể phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phải phối hợp chặt chẽ trong quá trình tổ chức thực hiện việc định giá đất cụ thể.

Điều 4. Hình thức lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất cụ thể

1. Trường hợp giá trị hợp đồng tư vấn định giá đất cụ thể không quá năm trăm (500) triệu đồng thì áp dụng phương thức chỉ định thầu (quy trình chỉ định thầu rút gọn) theo quy định tại Điều 22 Luật Đấu thầu năm 2013, Khoản 1 Điều 54 và Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Đơn giá dịch vụ để chỉ định thuê đơn vị tư vấn được áp dụng theo đơn giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành.

2. Trường hợp giá trị hợp đồng tư vấn định giá đất cụ thể lớn hơn năm trăm (500) triệu đồng thì áp dụng phương thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại Điều 20 Luật Đấu thầu năm 2013.

Điều 5. Kinh phí định giá đất cụ thể

1. Kinh phí định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc nội dung chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Trường hợp nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính) không bảo đảm cho việc định giá đất cụ thể thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán kinh phí định giá đất cụ thể, gửi cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tạm ứng trước kinh phí cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện định giá đất cụ thể và được căn trừ vào phần kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của từng dự án.

2. Kinh phí định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Chương II

QUY TRÌNH PHỐI HỢP THỰC HIỆN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ

Điều 6. Thành phần hồ sơ và cơ quan chuẩn bị hồ sơ định giá đất cụ thể

1. Trường hợp định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị hồ sơ, gồm:

a) Thông báo thu hồi đất, kế hoạch thu hồi đất, kết quả điều tra, đo đạc, kiểm đếm của dự án đã được phê duyệt;

b) Danh sách các thửa đất đề nghị định giá đất cụ thể của dự án;

c) Văn bản xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của các thửa đất cần định giá do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập kèm theo trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính (có thể hiện thông tin cắt lớp đối với trường hợp phải cắt lớp theo quy định).

2. Trường hợp định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Văn phòng Đăng ký đất đai căn cứ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất chuẩn bị hồ sơ, gồm:

a) Quyết định giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước, chuyển mục đích sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có);

b) Quyết định kèm theo bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chi tiết đối với những trường hợp phải lập bản đồ quy hoạch chi tiết đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Văn bản xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của các thửa đất cần định giá do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập kèm theo trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính (có thể hiện thông tin cắt lớp đối với trường hợp phải cắt lớp theo quy định).

Trường hợp điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất do điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất thì nộp kèm theo bản đồ địa chính có chồng ghép quy hoạch chi tiết thể hiện vị trí phần diện tích thay đổi, điều chỉnh.

Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất thì phải xác định cụ thể diện tích, vị trí, loại đất của khu đất, thửa đất trước và sau khi chuyển mục đích sử dụng đất kèm theo trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính khu đất, thửa đất (có cắt lớp đất nông nghiệp) để làm căn cứ xác định vị trí, loại đất trước khi chuyển mục đích.

3. Trường hợp định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Đơn vị thực hiện cổ phần hóa chuẩn bị hồ sơ, gồm:

a) Văn bản đề nghị định giá đất cụ thể nêu rõ thời điểm tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá;

b) Quyết định giao đất, cho thuê đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có);

c) Phương án sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Văn bản xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của các thửa đất cần định giá do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập kèm theo trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính (có thể hiện thông tin cắt lớp đối với trường hợp phải cắt lớp theo quy định);

đ) Quyết định kèm theo bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chi tiết đối với những trường hợp phải lập bản đồ quy hoạch chi tiết đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

4. Trường hợp định giá đất cụ thể làm căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất chuẩn bị hồ sơ, gồm:

a) Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng khu đất, thửa đất đấu giá;

b) Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt;

c) Văn bản xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của các thửa đất cần định giá do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập kèm theo trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính (có thể hiện thông tin cắt lớp đối với trường hợp phải cắt lớp theo quy định);

d) Hồ sơ về tài sản gắn liền với đất của khu đất, thửa đất đấu giá (trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013).

Điều 7. Trách nhiệm, thời gian thực hiện

1. Định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất, xác nhận nguồn gốc, vị trí đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện lập thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất cụ thể theo quy định.

Trường hợp chỉ định thầu thì trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn định giá đất. Trường hợp phải đấu thầu rộng rãi thì tổ chức thực hiện việc đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày làm việc (thời gian thực hiện cụ thể được ghi trong hợp đồng cho phù hợp đối với từng dự án) kể từ ngày hợp đồng được ký kết, đơn vị tư vấn hoàn thành và báo cáo kết quả định giá đất cụ thể cho Ủy ban nhân dân cấp huyện; đối với dự án có quy mô lớn, tính chất phức tạp thì thời gian được tính thêm không quá mười lăm (15) ngày làm việc.

Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả định giá đất cụ thể của đơn vị tư vấn, Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến và gửi kết quả định giá đất cụ thể (*kèm theo hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này*) cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước.

a) Xác định thông tin địa chính và tính giá trị khu đất, thửa đất theo Bảng giá đất.

Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Văn phòng Đăng ký đai đai tỉnh hoàn thành việc xác định thông tin địa chính (diện tích, loại đất, vị trí đất) và tính giá trị khu đất, thửa đất cần định giá (tính theo giá đất trong Bảng giá đất).

b) Trường hợp khu đất, thửa đất có giá trị dưới hai mươi (20) tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá đất).

Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc tính giá trị khu đất, thửa đất (tính theo giá đất trong Bảng giá đất), Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chuyển hồ sơ, thông tin địa chính cho Cục Thuế tỉnh (kèm theo hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy chế này).

Trong thời hạn không quá (năm) 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chuyển đến, Cục Thuế tỉnh căn cứ Bảng giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh để xác định số tiền sử dụng đất, thông báo tiền sử dụng đất và gửi cho người sử dụng đất đối với trường hợp giao đất hoặc xác định đơn giá, tính số tiền thuê đất, thuê mặt nước và thông báo tiền thuê đất, thuê mặt nước gửi đến người có nghĩa vụ phải nộp đối với trường hợp thuê đất, thuê mặt nước.

c) Trường hợp khu đất, thửa đất có giá trị từ hai mươi (20) tỷ đồng trở lên (tính theo giá đất trong Bảng giá đất).

Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc tính giá trị khu đất, thửa đất (tính theo giá đất trong Bảng giá đất), Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thuê đơn vị tư vấn định giá đất cụ thể.

Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành việc quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn; ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thực hiện định giá đất.

Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày làm việc (thời gian thực hiện cụ thể được ghi trong hợp đồng cho phù hợp đối với từng dự án) kể từ ngày ký hợp đồng, đơn vị tư vấn hoàn thành và gửi kết quả định giá đất cụ thể cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả định giá đất của đơn vị tư vấn, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản (kèm chứng thư định giá đất) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện lấy ý kiến đối với kết quả định giá đất; đồng thời, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất (sau đây gọi là Thông tư số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT) để trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định theo quy định.

Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến bằng văn bản về kết quả định giá đất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh.

Trường hợp kết quả định giá đất cụ thể của đơn vị tư vấn còn thiếu sót thì Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa và trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, đơn vị tư vấn gửi lại kết quả định giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

a) Xác định thông tin địa chính và tính giá trị khu đất, thửa đất theo Bảng giá đất.

Thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp khu đất, thửa đất có giá trị dưới hai mươi (20) tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá đất)

Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc tính giá trị khu đất, thửa đất (tính theo giá đất trong Bảng giá đất), Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chuyên hồ sơ, thông tin địa chính cho Sở Tài chính (kèm theo hồ sơ quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 Quy chế này).

Trong thời hạn không quá (năm) 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chuyên đến, Sở Tài chính căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh để tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

c) Trường hợp khu đất, thửa đất có giá trị từ hai mươi (20) tỷ đồng trở lên (tính theo giá đất trong Bảng giá đất).

Việc xác định giá đất cụ thể được thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp định giá đất cụ thể đối với những khu đất, thửa đất phức tạp, khó khăn thì đơn vị tư vấn báo cáo bằng văn bản cho đơn vị ký hợp đồng tư vấn định giá đất và được gia hạn thêm thời gian thực hiện nhưng không quá mười lăm (15) ngày làm việc.

Điều 8. Thẩm định, phê duyệt phương án giá đất

1. Thẩm định, hoàn thiện dự thảo phương án giá đất

Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh hoàn thành việc thẩm định, ban hành văn bản thẩm định phương án giá đất cụ thể và gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp hồ sơ phức tạp cần kéo dài thời gian thẩm định thì thời gian kéo dài thêm không quá năm (05) ngày làm việc theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT.

Trường hợp không thống nhất với phương án giá đất do Sở Tài nguyên và Môi trường trình, Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh có văn bản nêu cụ thể lý do và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đề nghị đơn vị tư vấn rà soát lại kết quả định giá đất và điều chỉnh lại cho phù hợp. Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, đơn vị tư vấn gửi lại kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh.

2. Trình và phê duyệt phương án giá đất cụ thể

Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện phương án giá đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt phương án giá đất cụ thể.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN